TAND HUYỆN LỤC NAM **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2021/DS-ST
Ngày 28-07-2021
V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Công Định
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trương Thanh Cường
Ông Nguyễn Duy Cường

- Thư ký phiên tòa: Bà Vi Thị Hương Giang - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lục Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: Bà Ngô Thị Thắm - Kiểm sát viên.

Trong ngày 28 tháng 07 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lục Nam tiến hành mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thẩm thụ lý số: 117/2020/TLST-DSTC ngày 25 tháng 11 năm 2020 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 30/2021/QĐXXST-DS ngày 26 tháng 04 năm 2021, Thông báo thay đổi thời gian mở phiên toà số 15/TB-TA ngày 17/05/2021, Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 53/2021/QĐXXST-DS ngày 21/06/2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 34/2021/QĐST-DS ngày 07/07/2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Vũ Văn Q, sinh năm 1985 (có mặt)
Địa chỉ: Thôn Quỷnh Sành, xã Nghĩa Phương, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.
Bị đơn: Anh Phạm Quang H, sinh năm 1978 (vắng mặt)
Chị Vi Ngọc A, sinh năm 1980 (có mặt)
Cùng địa chỉ: Thôn Dốc Lỉnh, xã Nghĩa Phương, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang
Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Ông Thân Văn Dũng – Trợ giúp viên pháp lý, trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Bắc Giang. (có mặt)
Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:
- Chị Hà Thị L, sinh năm 1986 (vắng mặt)
Địa chỉ: Thôn Quỷnh Sành, xã Nghĩa Phương, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ghi ngày 12/11/2020 cùng các lời khai và tại phiên toà nguyên đơn anh Vũ Văn Q trình bày: Anh và vợ chồng anh Phạm Quang H, chị

Vi Ngọc A có quan hệ quen biết. Vợ chồng anh H, chị A có vay tiền của anh nhiều lần từ năm 2015 đến năm 2016 tổng số tiền 470.000.000 đồng, cụ thể:

Lần 1: Ngày 07/06/2015 (âm lịch) anh H vay số tiền 150.000.000 đồng, khi vay hai bên có viết giấy vay nợ, lãi suất thoả thuận là 1.5%/tháng, thời hạn trả nợ không ấn định và anh H có để lại một giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Phạm Quang H để làm tin, mục đích vay tiền anh H nói để làm ăn kinh tế,;

Lần 2: Ngày 12/06/2016 chị A vay số tiền 320.000.000 đồng, khi vay hai bên có viết giấy vay nợ và có chuyển số tiền đã vay 150.000.000 đồng lần 1 sang giấy vay tiền này, lãi suất thoả thuận miệng là 1.5%/tháng, thời hạn vay là 04 năm, và chị A tiếp tục để lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Phạm Quang H, và trong giấy vay tiền có ghi trong trường hợp chị A, anh H không trả được khoản tiền vay thì quyền sử dụng đất mà anh H để lại làm tin sẽ chuyển nhượng cho anh;

Kể từ ngày vay đến trước khi anh khởi kiện thì anh H đã trả cho anh được 20.250.000 đồng tiền lãi. Anh H, chị A chưa trả cho anh được khoản tiền gốc nào.

Đến hẹn thanh toán khoản vay anh đã đến yêu cầu vợ chồng anh H, chị A trả tiền nhưng anh H, chị A không thanh toán được khoản tiền đã vay, nay anh làm đơn khởi kiện yêu cầu Toà án buộc vợ chồng anh H phải trả anh số tiền gốc đã vay là 470.000.000 đồng và 200.000.000 đồng tiền lãi. Tổng số tiền phải trả là 670.000.000 đồng.

Bị đơn là chị Vi Ngọc A tại bản tự khai, các biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa trình bày: Vợ chồng chị và anh Vũ Văn Q có quan hệ quen biết. Chị xác định những lần vay tiền và khoản tiền vay như anh Q trình bày tại đơn khởi kiện là đúng. Hiện tại vợ chồng chị còn nợ anh Q số tiền gốc là 470.000.000 đồng. Khi vay tiền vợ chồng chị có thế chấp 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Phạm Quang H để vay tiền. Mục đích vay tiền lần 1 là để vợ chồng chị làm ăn kinh tế, còn lần vay thứ 2 là để chạy chữa cho anh H vì bị tai nạn giao thông. Trong quá trình vay nợ, anh H có trả cho anh Q được số tiền lãi nào không thì chị không rõ. Chị chỉ biết hiện tại vợ chồng chị còn nợ số tiền gốc là 470.000.000 đồng, còn tiền lãi thì chị chưa trả cho anh Q lần nào. Chị xác định số tiền 20.250.00.000 đồng tiền anh H đã trả lãi cho anh Q chị nhất trí và không có ý kiến hay đề nghị gì về số tiền này. Nay anh Q khởi kiện yêu cầu vợ chồng chị phải trả số tiền gốc đã vay là 470.000.000 đồng theo giấy vay nợ ngày 07/06/2015 (âm lịch) và giấy vay nợ ghi ngày 12/03/2016 và tiền lãi phát sinh của khoản tiền vay là 200.000.000 đồng, tổng số tiền là 670.000.000 đồng. Chị đồng ý trả. Tuy nhiên, chị đề nghị anh Q cho vợ chồng xin trả dần, vì hiện nay chồng chị bị bệnh chưa khỏi, bản thân chưa hồi phục, nhận thức chưa được bình thường, đầu óc lúc nhớ, lúc quên, một mình chị nuôi hai con nhỏ nên kinh tế rất khó khăn. Việc anh Q khởi kiện vợ chồng chị, chị đã thông báo cho chồng chị biết nhưng anh H không có ý kiến gì.

Bị đơn là Phạm Quang H đã được Toà án giao các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật tuy nhiên anh H không có ý kiến trình bày gửi Toà án về nội dung anh Q khởi kiện.

Tại phiên tòa hôm nay anh H vắng mặt.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là chị Hà Thị L trình bày: Chị là vợ của anh Q, những lời khai anh Q đã trình bày tại Toà án chị hoàn toàn nhất trí và không có ý kiến gì khác.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn là ông Thân Văn Dũng trình bày quan điểm bảo vệ: Ông đồng ý với ý kiến trình bày của chị A về việc phía bị đơn còn nợ nguyên đơn số tiền gốc 470.000.000 đồng và tiền lãi 200.000.000 đồng. Tuy nhiên, hiện nay gia đình bị đơn hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên đề nghị phía nguyên đơn cho phía bị đơn được trả dần số tiền nợ trên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Nam tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm, phát biểu ý kiến: Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến trước khi mở phiên tòa Thẩm phán và Thư ký Tòa án tuân theo đúng trình tự tố tụng. Tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử sơ thẩm thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về phía các đương sự nguyên đơn chấp hành nghiêm chỉnh, thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, bị đơn chưa chấp hành nghiêm chỉnh đúng quyền và nghĩa vụ của mình.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ:

Căn cứ Điều 471, Điều 476; Điều 478 Bộ luật dân sự 2005;

Căn cứ Khoản 2 Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015;

Căn cứ các Điều 27; 37 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 26, Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 158; khoản 3 Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Vũ Văn Q.

Buộc vợ chồng anh Phạm Quang H, chị Vi Ngọc A phải trả cho anh Vũ Văn Q tổng số tiền 670.000.000 đồng trong đó số tiền gốc là 470.000.000 đồng và tiền lãi 200.000.000 đồng.

Ngoài ra đại điện Viện kiểm sát còn đề xuất giải quyết án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra chứng cứ tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng*:

[1.1] Về sự vắng mặt của người tham gia tố tụng: Bị đơn anh Phạm Quang H, chị Hà Thị L đã được Tòa án triệu tập và tống đạt các văn bản theo quy định của pháp luật. Tại phiên Tòa hôm nay anh H, chị Linh vắng mặt lần 2 không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan theo thủ tục chung.

[2] *Về nội dung:*

[2.1] Về yêu cầu trả nợ gốc và nợ lãi của anh Vũ Văn Q, HĐXX thấy:

[2.1.1] Về yêu cầu trả tiền gốc: Trong thời gian từ ngày 07/06/2015 (âm lịch) tức 22/07/2015 đến ngày 12/06/2016 và anh Vũ Văn Q có cho vợ chồng anh Phạm Quang H, chị Vi Ngọc A vay tổng số tiền 470.000.000 đồng, khi vay hai bên có viết giấy tiền, lãi suất do hai bên thỏa thuận là 1.5%/tháng, thời hạn trả là 04 năm từ ngày 12/06/2016. Tuy nhiên đến hạn vợ chồng anh H, chị A không thanh toán khoản tiền đã vay, anh Q đã đến yêu cầu anh H, chị A thanh toán trả nợ nhiều lần nhưng anh H, chị A không trả. Xác định đây là giao dịch dân sự hợp pháp, hợp đồng vay tài sản có kỳ hạn, có lãi. Trong quá trình làm việc vợ chồng chị A thừa nhận còn nợ anh Q số tiền như anh Q đã khởi kiện. Do đó việc anh Q yêu cầu vợ chồng anh H, chị A trả số tiền nợ gốc là 470.000.000 đồng là có căn cứ chấp nhận theo Điều 471, Điều 476; Điều 478 BLDS 2005.

[2.1.2] Về yêu cầu tính lãi của khoản tiền gốc 470.000.000 đồng của anh Vũ Văn Q tính từ ngày vay 12/06/2016 đến khi anh Q khởi kiện ngày 12/11/2020 là 200.000.000 đồng, HĐXX thấy: Hợp đồng vay tiền giữa anh Q và vợ chồng anh H, chị A là hợp đồng vay có kỳ hạn, lãi suất do hai bên thỏa thuận là 1.5%/tháng. Tại phiên toà hôm nay, anh Q và chị A thống nhất tiền lãi của khoản tiền gốc tính từ ngày 12/06/2016 cho đến ngày 12/11/2020 là 200.000.000 đồng. Xét về lãi suất các bên thoả thuận HĐXX thấy: Việc tính lãi của khoản vay giữa anh Q và vợ chồng chị A, anh H được tính như sau:

Lãi suất của khoản vay tính từ ngày 12/06/2016 đến ngày 30/12/2016 được tính theo Điều 476 BLDS 2005 (thời hạn tính lãi là 06 tháng 18 ngày), tại giấy vay nợ các bên thoả thuận lãi suất là 1.5%/tháng tức 18%/năm tính từ ngày 12/06/2016 cho đến ngày 30/12/2016 là cao hơn so với quy định tại Điều 476 BLDS 2005, mức lãi suất được chấp nhận tối đa là 150% mức lãi suất cơ bản của Ngân hàng Nhà nước quy định. Tại Quyết định 2868/QĐ-NHNN ngày 29/11/2010 của Ngân hàng Nhà nước quy định mức lãi suất cơ bản là 09%/năm, nên lãi suất được tính trong vụ án này là 09%/năm x 150% = 13.5%/năm tức 1.125%/tháng. Mức lãi cụ thể: 470.000.000 đồng x 06 tháng 18 ngày x 13.5%/năm = 34.897.500 đồng.

Lãi suất của khoản vay tính từ ngày 01/01/2017 đến ngày 12/11/2020 (03 năm 10 tháng 11 ngày) được tính theo Điều 468 BLDS năm 2015. Tại giấy vay nợ các bên thoả thuận là 1.5%/tháng tức 18%/năm là đảm bảo theo quy định tại Điều 468 BLDS 2015. Mức lãi được tính cụ thể: 470.000.000 đồng x 03 năm 10 tháng 11 ngày x 18%/năm = 326.885.000 đồng.

Tổng số tiền lãi là 361.782.500 đồng

Do đó việc anh Q và chị A thoả thuận mức lãi suất của khoản tiền vay là 200.000.000 đồng tính từ ngày vay đến ngày 12/11/2020 là vẫn đảm bảo đúng theo quy định của pháp luật, nên HĐXX thấy cần chấp nhận việc thoả thuận này.

Tổng số tiền gốc và tiền lãi chị Vi Ngọc A và anh Phạm Quang H phải trả là: 670.000.000 đồng trong đó tiền nợ gốc là 470.000.000 đồng và 200.000.000 đồng tiền lãi.

[2.2] Xét yêu cầu của anh Vũ Văn Q về yêu cầu vợ chồng anh Phạm Quang H và chị Vi Ngọc A chuyển nhượng diện tích đất mà anh H, chị A đưa giấy chứng nhận quyền sử dụng dụng đất cho anh Q. HĐXX thấy: Việc anh Phạm

Quang H, chị Vi Ngọc A vay tiền của anh Vũ Văn Q có để lại 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mục đích để làm tin cho anh Q và thoả thuận trong trường hợp không thanh toán được sẽ chuyển nhượng diện tích đất trên cho anh Q. Mục đích anh H, chị A để lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho anh Q để làm tin cho việc vay tiền, hai bên không tới cơ quan nhà nước có thẩm quyền để đăng ký thế chấp hay làm hợp đồng chuyển nhượng có điều kiện theo quy định của pháp luật. Nên HĐXX thấy không có căn cứ chấp nhận yêu cầu này của anh Q.

[2.3] Thời điểm ký giấy vay tiền anh Phạm Quang H, chị Vi Ngọc A là vợ chồng, việc anh H, chị A vay tiền của anh Q là dùng vào mục đích chung của gia đình. Do đó, cần buộc anh H, chị A có trách nhiệm thanh toán khoản tiền đã vay cho anh Q là đảm bảo theo Điều 27, Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Số tiền anh Q cho vợ chồng anh H, chị A vay là tiền riêng của anh Q không liên quan gì tới chị Linh, chị Linh không có yêu cầu gì về số tiền này nên xác định số tiền trên là tiền riêng của anh Q.

[3] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ nên bị đơn là anh Phạm Quang H, chị Vi Ngọc A phải chịu toàn bộ án phí DSST. Tuy nhiên, do anh H, chị A thuộc hộ nghèo nên anh H, chị A được miễn án phí theo Điều 11, Đều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[4] Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 271, Điều 272, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 471, Điều 476, Điều 478 Bộ luật dân sự 2005;

Căn cứ khoản 2 Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 27, Điều 37 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 157; Điều 158; khoản 3 Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Điều 11, Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Vũ Văn Q:

Buộc vợ chồng anh Phạm Quang H, chị Vi Ngọc A phải trả cho anh Vũ Văn Q tổng số tiền 670.000.000 đồng (Sáu trăm bay mươi triệu đồng) trong đó tiền nợ gốc là 470.000.000 đồng (Bốn trăm bẩy mươi triệu đồng) và 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng) tiền lãi.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,7a,7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

2.Về án phí: Anh Phạm Quang H, chị Vi Ngọc A phải chịu được miễn án phí DSST.

Hoàn trả anh Vũ Văn Q số tiền 18.570.000 đồng đã nộp tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0005113 ngày 24/11/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Lục Nam.

3. *Về quyền kháng cáo*: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tống đạt hoặc niêm yết bản án./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Lục Nam;
- Chi cục THADS huyện Lục Nam;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Công Định